

Bản án số: 24 /2018/HSST

Ngày 17/04/2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BA VÌ

Với thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: ông Đặng Trung Thành

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Ngọc Minh

2. Ông Nguyễn Xuân Thuật

Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Thúy – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ba Vì, thành phố Hà Nội

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ba Vì: Ông Đỗ Văn Khoa – Kiểm sát viên

Trong ngày 17/04/2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ba Vì, thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số : 07/2018/TLST- HS ngày 06/02/2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số : 22/2018QĐXXST-HS ngày 30/3/2018 đối với bị cáo :

Họ và tên : NGUYỄN ĐÌNH T, Sinh năm: 1982; Nơi ĐKKHKT và chỗ ở hiện nay: Thôn N - xã Tr - huyện T1 - tỉnh Bắc Ninh ; Trình độ văn hoá: 12/12 ; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Con ông Nguyễn Đình T2, SN 1953; Con bà Nguyễn Thị B, SN : 1953; Vợ là: Vũ Thị L, SN 1985; Con có 02 con, con lớn sinh năm 2009, con nhỏ sinh năm 2011; Tiền án: Không; Tiền tù: Không . Bị tạm giữ , tạm giam từ 11/01/2018.

(Bị cáo Nguyễn Đình T có mặt tại phiên tòa)

* Người bị hại:

Chị Nguyễn Thị Thanh H, sinh năm 1978

HKTT và chỗ ở: Thôn V, xã C, huyện B, thành phố Hà Nội

(chị H vắng mặt tại phiên tòa)

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Bà: Nguyễn Thị B1, sinh năm 1953

HKTT và chỗ ở: Thôn N, xã Trạm L, huyện T, tỉnh Bắc Ninh

+Anh Nguyễn Bá S, sinh năm 1984

HKTT và chỗ ở: Thôn C, thị trấn Tây Đ, huyện B, thành phố Hà Nội.

+ Chị Đặng Thúy H1, sinh năm 1976

HKTT và chỗ ở: Thôn Đ, xã ĐL, thị xã ST, thành phố Hà Nội.

(Bà B1 có mặt, anh S, chị H1 vắng mặt không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 06h30' ngày 27.12.2017, Nguyễn Đình T điều khiển xe máy nhãn hiệu SYM Power, màu xanh BKS 99F7-5225 đi từ nhà bạn gái là Nguyễn Thị Y (SN 1980-ở TT Tây Đằng- B) đến cửa hàng thuốc biển hiệu “Thanh H” số nhà 606 thuộc thôn Vân Trai- TT Tây Đằng - B do chị Nguyễn Thị Thanh H làm chủ, T vào mua thuốc thì chỉ thấy cháu Trần Đình Th(SN 2007 là con chị H) đang trông hàng. Cháu Th hỏi “Chú mua gì?”, thì T đáp “Chú mua thuốc”, cháu Th nói tiếp “Mẹ cháu không có nhà, mẹ cháu sắp về, chờ mẹ cháu tí”, T trả lời “Ừ, chú chờ”. Sau đó cháu Th chạy ra cửa ngõ xem mẹ mình về chưa nhưng không thấy nên chạy vào trong nhà chơi, còn T một mình đứng ở quầy thuốc chờ. T quan sát thấy trong tủ đựng thuốc có hộp kim loại màu vàng, không nắp đây, bên trong có tiền gồm nhiều mệnh giá khác nhau. Lợi dụng không có ai trông giữ, T đã nảy sinh ý định trộm cắp tài sản. T tiến lại gần chiếc tủ gỗ kê vuông góc với tủ thuốc, rồi thò tay phải đẩy cửa kính ra, lấy chiếc hộp kim loại đựng tiền bên trong, giấu vào trong áo khoác trước bụng, rồi lên xe tẩu thoát theo hướng đường liên thôn Quang Húc - xã Đông Quang. Khi đi đến đường bê tông đi hướng Chu Minh thì T

dừng xe, lấy hộp tiền vừa trộm được ra đếm được 3.250.000, đồng, T cất tiền vào người rồi ném hộp sắt vào mép ruộng ven đường. Sau đó T đi xe máy về Bắc Ninh và đã tiêu xài cá nhân hết.

Sau khi bị mất trộm tiền, chị H kiểm tra hệ thống camera lắp tại quầy thuốc thì phát hiện đã có kẻ gian lấy trộm tiền đồng thời trình báo lên CQĐT để giải quyết. Khoảng 20h00' ngày 11.01.2018 CQĐT- CA huyện B tuần tra kiểm soát trên địa bàn thị trấn Tây Đằng thì phát hiện có 02 người đàn ông đi trên xe máy BKS 99F7-5225, trong đó có 01 người có đặc điểm giống với đối tượng đã trộm cắp tại quầy thuốc nhà chị Nguyễn Thị Thanh H. Tiến hành kiểm tra hành chính 02 đối tượng trên thì 01 đối tượng khai là Nguyễn Đình T - SN 1982 - ở T Thành - Bắc Ninh và 01 đối tượng khai là Nguyễn Xuân H2 -SN 1985 - TT Tây Đằng- B. Quá trình làm việc Nguyễn Đình T đã khai nhận hành vi trộm cắp tiền ngày 27.12.2017 tại quầy thuốc số 606 thôn Vân Trai- TT TĐ- B của mình.

Mở rộng điều tra vụ án, T còn khai nhận đã thực hiện 01 vụ trộm cắp nữa vào ngày 07.01.2018 tại trường THCS Tây Đằng, cụ thể: Do có quen biết với anh Q, biệt danh “Q trắng” (không rõ họ) ở TT Tây Đằng nên vào khoảng 08h sáng ngày 07.01.2018, T gọi điện cho Q để nhờ tý việc thì được biết Q đang đi họp phụ huynh tại trường THCS Tây Đằng. T điều khiển xe máy BKS 99F7-5225 đi đến trường THCS Tây Đằng, thấy cổng trường mở, T gửi xe ở quán nước ngoài cổng rồi đi bộ vào trong trường. Khi đi qua phòng làm việc của chị Đặng Thúy H1 (SN 1976 ở Đường Lâm - TX Sơn Tây - là hiệu trưởng nhà trường) thuộc dãy nhà 2 tầng, T thấy cửa phòng mở, trên mặt bàn làm việc có 01 chiếc điện thoại di động loại Iphone 5 màu trắng (là điện thoại của Hà). Quan sát thấy không có người, T đi vào phòng, dùng tay phải lấy trộm chiếc điện thoại rồi cho vào túi áo khoác bên phải đang mặc, rồi đi ra lấy xe máy và tẩu thoát. Trên đường tẩu thoát T tắt máy, tháo bỏ sim điện thoại. Đi về nhà Nguyễn Thị Y thấy không có ai ở nhà, T đã giấu chiếc điện thoại lên nóc tủ quần áo ở phòng khách tầng 2. Đến ngày 10.01.2017, do thiếu tiền tiêu xài, T đem chiếc điện thoại trộm được ra cửa hàng điện thoại “Bá Soái mobie” ở Chợ Chàng- TT Tây Đằng- B để bán cho anh Nguyễn Bá S (SN 1984- ở TT Tây Đằng) với giá 300.000, đồng, quá trình mua bán T chỉ nói với Soái điện thoại là do nhặt được mà có.

Kết luận định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện B số 07/2018 ngày 30/01/2018 kết luận:

- 01 điện thoại Iphone 5, màu trắng, số seri: F2LJH078F384, số IMEI: 013333004807509 (góc trái phía trên màn hình bị cong vênh) đã qua sử dụng: trị giá 1.700.000, đồng.

- 01 hộp kim loại màu sơn vàng có chữ “GOLDBIPHA”, không nắp đáy, kích thước (7,2 × 9.9 × 12,3) cm: trị giá 30.000, đồng.

Tổng trị giá: 1.730.000, đồng.

Tại CQĐT- CA huyện B, bị can Nguyễn Đình T đã khai nhận toàn bộ hành vi trộm cắp tài sản trên của bản thân.

Vật chứng CQĐT thu giữ:

- 01 (một) 01 điện thoại Iphone 5, màu trắng, số seri: F2LJH078F384, số IMEI: 013333004807509 (góc trái phía trên màn hình bị cong vênh).

- 01 hộp kim loại màu sơn vàng có chữ “GOLDBIPHA”, không nắp đáy, kích thước (7,2 × 9.9 × 12,3) cm.

- 01 xe máy nhãn hiệu SYM Power Hi màu sơn xanh số khung: VDNFXM 08B4X912648, số máy FT 912648, BKS 99F7-5225 (xe đã qua sử dụng).

Sau khi điều tra làm rõ vụ án ngày 06.02.2018, CQĐT-CA huyện B đã ra Quyết định xử lý vật chứng số 25 đối với 03 vật chứng nêu trên bằng hình thức: Trả lại tài sản cho chủ sở hữu. Đối với chiếc xe máy BKS: 99F7-5225 mà T sử dụng để đi trộm cắp ngày 27.12.2017 và ngày 07.01.2018 là thuộc quyền sở hữu hợp pháp của bà Nguyễn Thị B1 (là mẹ T), việc T mượn xe rồi đi vi phạm pháp luật thì bà Bình không biết, nên ngày 06.02.2018 CQĐT-CA huyện B đã trả lại tài sản cho bà Nguyễn Thị B1.

Ngày 06.02.2018, chị Đặng Thúy H1 đã nhận lại chiếc điện thoại Iphone 5, màu trắng, số seri: F2LJH078F384, số IMEI: 013333004807509 của mình.

Ngày 07.02.2018, chị Nguyễn Thị Thanh H đã nhận tài sản là 01 chiếc hộp kim loại màu sơn vàng có chữ “GOLDBIPHA”.

Về dân sự:

Chị Nguyễn Thị Thanh H đã nhận lại 3.250.000,đồng từ gia đình Nguyễn Đình T bồi thường, do vậy chị không có yêu cầu đề nghị gì về mặt dân sự.

Chị Đặng Thúy H1 sau khi nhận lại tài sản là chiếc điện thoại Iphone 5 màu trắng ngày 06.02.2018, chị cũng không có yêu cầu đề nghị gì về mặt dân sự.

Anh Nguyễn Bá S là người đã mua chiếc điện thoại Iphone 5 màu trắng của T với giá 300.000 đồng. Sau khi biết điện thoại mình mua là do T trộm cắp mà có, anh Soái đã tự nguyện giao nộp cho CQĐT. Đối với số tiền 300.000, đồng mà anh đã mua điện thoại của T, do số tiền nhỏ nên anh không có yêu cầu đề nghị gì.

Đối với hành vi trộm cắp tài sản ngày 07.01.2018 của Nguyễn Đình T với giá trị tài sản trộm cắp là 1.700.000 đồng, xét thấy hành vi trộm cắp của T không đủ yếu tố cấu thành tội trộm cắp tài sản nên CQĐT đã ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số : 41 ngày 26/2/2018 đối T bằng hình thức: Phạt tiền.

Bản cáo trạng số 18/CT-VKS ngày 8/3/2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện B, thành phố Hà Nội đã truy tố bị cáo Nguyễn Đình T về tội: “Trộm cắp tài sản” theo Khoản 1 Điều 138 BLHS năm 1999 (Khoản 1 Điều 173 BLHS năm 2015).

Tại phiên tòa bị cáo Nguyễn Đình T đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung bản cáo trạng đã nêu. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B, thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa giữ quyền công tố, phát biểu quan điểm luận tội vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố các bị cáo về tội danh và điều luật áp dụng như nội dung bản cáo trạng.

Đề nghị Hội đồng xét xử:

1, Áp dụng: theo Khoản 1 Điều 138 BLHS năm 1999 (Khoản 1 Điều 173 BLHS năm 2015). Điểm b,p khoản 1 điều 46; Điều 33 BLHS 1999 (Điểm b, s khoản 1 Điều 51, Điều 38 BLHS năm 2015), xử phạt Nguyễn Đình T từ 09 tháng đến 12 tháng tù.

Về hình phạt bổ sung: Miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo

Về án phí: Áp dụng điều 135 Bộ luật tố tụng hình sự buộc bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

Về hành vi, quyết định của Cơ quan điều tra Công an huyện B thành phố Hà Nội, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện B thành phố Hà Nội, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định tại Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hay khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp, đúng quy định của pháp luật.

Về hành vi phạm tội của bị cáo:

Tại phiên tòa bị cáo Nguyễn Đình T đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện B, thành phố Hà Nội đã nêu. Xét lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, lời khai của người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cùng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ. Như vậy, Hội đồng xét xử đã có đủ cơ sở để xác định: Khoảng 6h30' ngày 27/12/2017 lợi dụng cửa hàng thuốc “Thanh H” của chị Nguyễn Thị Thanh H không có người trông giữ, Nguyễn Đình T đã có hành vi lén lút lấy trộm toàn bộ số tiền đựng trong chiếc hộp bằng kim loại màu vàng, không có nắp đậy của chị Nguyễn Thị Thanh H với tổng giá trị tài sản là 3.280.000 đồng. Hành vi của Nguyễn Đình T đã đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” được quy định tại khoản 1 Điều 138 BLHS năm 1999. Do vậy, Viện kiểm sát nhân dân huyện B truy tố bị cáo Nguyễn Đình T về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 138 BLHS là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Tuy nhiên BLHS 2015 đã có HLPL nên áp dụng các điều luật tương ứng của BLHS 2015 để xét xử đối với bị cáo.

Đối với hành vi trộm cắp tài sản ngày 07.01.2018 của Nguyễn Đình T với giá trị tài sản trộm cắp là 1.700.000, đồng, xét thấy hành vi trộm cắp của T chưa đủ yếu tố cấu thành tội trộm cắp tài sản nên CQĐT đã ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối T bằng hình thức: Phạt tiền là đúng quy định của pháp luật.

Xét tính chất vụ án: hành vi phạm tội của bị cáo là hành vi nguy hiểm cho xã hội nó đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sử hữu tài sản của người khác, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự trị an địa phương. Do vậy, cần phải xử lý nghiêm khắc trước pháp luật để giáo dục các bị cáo và răn đe phòng ngừa chung.

Xét tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không có.

Xét về tình tiết giảm nhẹ: bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, đã bồi thường khắc phục hậu quả nên cần thiết áp dụng điểm b, s khoản 1 Điều 51 BLHS năm 2015 để giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo T.

Xét tính chất của vụ án, qua phân tích các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cũng như nhân thân bị cáo. HĐXX thấy cần thiết phải cách ly bị cáo T ra khỏi đời sống xã hội một thời gian theo Điều 38 BLHS năm 2015 mới có tác dụng giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

Tại khoản 5 Điều 173 BLHS năm 2015 còn quy định người phạm tội có thể bị phạt tiền từ năm triệu đồng đến năm mươi triệu đồng, xét thấy bị cáo T có H cảnh kinh tế khó khăn nên miễn áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo T.

Về vật chứng: CQĐT-CA huyện B đã ra Quyết định xử lý vật chứng số 25 ngày 06/02/2018: trả lại cho chị Đặng Thúy H1 01 (một) 01 điện thoại Iphone 5, màu trắng, số seri: F2LJH078F384, số IMEI: 013333004807509 (góc trái phía trên màn hình bị cong vênh); trả lại cho chị Nguyễn Thị Thanh H 01 hộp kim loại màu sơn vàng có chữ “GOLDBIPHA”, không nắp đáy, kích thước (7,2×9.9×12,3) cm; Trả lại cho Bà Nguyễn Thị B1 01 xe máy nhãn hiệu SYM Power Hi màu sơn xanh số khung: VDNFXM 08B4X912648, số máy FT 912648, BKS 99F7-5225 (xe đã qua sử dụng) thuộc quyền sở hữu hợp pháp của bà Bình do không biết T mượn xe rồi vi phạm pháp luật, là đúng quy định của pháp luật.

Về dân sự:

Chị Nguyễn Thị Thanh H đã nhận lại 3.250.000, đồng từ gia đình Nguyễn Đình T bồi thường và chị không có yêu cầu đề nghị gì về mặt dân sự. Chị Đặng Thúy H1 sau khi nhận lại tài sản là chiếc điện thoại Iphone 5 màu trắng ngày 06.02.2018, chị cũng không có yêu cầu đề nghị gì về mặt dân sự.

Anh Nguyễn Bá S là người đã mua chiếc điện thoại Iphone 5 màu trắng của T với giá 300.000, đồng. Sau khi biết điện thoại mình mua là do T trộm cắp mà

có, anh Soái đã tự nguyện giao nộp cho CQĐT. Đối với số tiền 300.000, đồng mà anh đã mua điện thoại của T, do số tiền nhỏ nên anh không có yêu cầu đề nghị gì. Bà Nguyễn Thị B1 đã nhận lại xe máy và không có yêu cầu gì.

Xét đây là sự tự nguyện của các đương sự nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết trong vụ án này.

Về án phí: bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH

Tuyên bố bị cáo **Nguyễn Đình T** phạm tội **“Trộm cắp tài sản”**

Xử : 1/ Áp dụng: khoản 1 Điều 173 BLHS 2015; Điểm b, s khoản 1 Điều 51; Điều 38 BLHS năm 2015, xử phạt **Nguyễn Đình T 08** tháng tù (*Tám tháng*). Thời hạn tù của bị cáo tính từ ngày 11/01/2018.

Miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo

2/ Về án phí: Áp dụng Điều 135 Bộ luật tố tụng hình sự

Buộc Bị cáo Nguyễn Đình T phải chịu 200.000,đ án phí hình sự sơ thẩm.

3/ Về Quyền kháng cáo bản án:

Bị cáo Nguyễn Đình T có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bà B1 có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án

Chị H, chị H1, anh S có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án được tổng đạt hợp lệ.

“ Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa T thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự . ,,

Nơi nhận:

- TANDTP Hà Nội;
- VKSND huyện B;
- Công an huyện B;
- Thi hành án huyện B; Sở tư pháp TP;
- Bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng khác;
- Lưu: HS; VP

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Đặng Trung Thành